

BÀI 23. VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG LÃNH THỔ VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

- Hiểu được tính toàn vẹn của lãnh thổ Việt Nam. Xác định được vị trí, giới hạn, diện tích, hình dạng vùng đất liền, vùng biển Việt Nam.
- Hiểu biết về ý nghĩa thực tiễn và các giá trị cơ bản của vị trí địa lý, hình dạng lãnh thổ đối với môi trường tự nhiên và các hoạt động kinh tế - xã hội của nước ta.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA BÀI HỌC

Bài học này có nhiều kiến thức và số liệu cụ thể, rời rạc. GV cần tập trung nêu bật những kiến thức chủ đạo sau đây

1. Tính toàn vẹn của lãnh thổ Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia toàn vẹn, bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời gắn bó chặt chẽ với nhau. Do vậy GV cần lưu ý HS xem xét mối quan hệ chặt chẽ giữa các bộ phận đó, tạo nên tính toàn vẹn của lãnh thổ Việt Nam.

Diện tích tự nhiên của Việt Nam là 331212 km^2 (Niên giám thống kê 2006), là một dải đất kéo dài và hẹp ngang, nằm ven Biển Đông với đường bờ biển dài 3260 km và hơn 4600 km đường biên giới trên bộ đã được xác định rõ ràng.

Phân biển thuộc chủ quyền Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km^2 , rộng gấp ba lần đất liền, bao gồm nhiều bộ phận khác nhau hợp thành (xem bài đọc thêm : *Vùng biển chủ quyền của Việt Nam*). Trên thực tế ranh giới và chủ quyền phân biển giữa nước ta và các nước khác có chung Biển Đông rất phức tạp, còn nhiều tranh chấp, chưa được xác định cụ thể và thống nhất. Các đảo xa nhất của Việt Nam nằm trong quần đảo Trường Sa ra tới kinh tuyến $117^{\circ}20' \text{ Đông}$ và xuống tới $6^{\circ}50' \text{ vĩ Bắc}$ (theo Ban Biên giới – Bộ Ngoại giao). Nước ta có chủ quyền hoàn toàn về việc thăm dò, bảo vệ và quản lý tất cả các tài nguyên thiên nhiên, sinh vật và không sinh vật ở vùng nước, ở đáy biển và trong lòng đất dưới biển của vùng đặc quyền kinh tế. (*Tuyên bố ngày 12-5-1977 của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam*).

Phân vùng trời, GV cần nắm được : vùng trời của nước ta là khoảng không gian trên lãnh thổ nước ta ; trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới, trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.

2. Về ý nghĩa và những giá trị cơ bản của vị trí địa lí

Vị trí địa lí nước ta đặt ra nhiều vấn đề về các mối quan hệ của nó với tự nhiên, kinh tế, văn hoá, quốc phòng trong nước cũng như giữa nước ta với các nước láng giềng trong khu vực và trên thế giới. Trong bài học này cần nhấn mạnh bốn ý nghĩa nổi bật của vị trí địa lí Việt Nam, đó là :

- Vị trí nội chí tuyến hay vị trí nhiệt đới.
- Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và luồng sinh vật.
- Vị trí trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải đảo.

GV cần lưu ý khẳng định vị trí địa lí là một trong những nguyên nhân cơ bản tạo nên các đặc điểm chung của thiên nhiên nước ta như tính chất nhiệt đới, gió mùa, tính chất ven biển, tính chất đa dạng, phức tạp. (*GV cần đọc trước bài 39 – Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam*).

3. Về hình dạng, kích thước lãnh thổ

Về các số liệu diện tích và đường biên giới, SGK sử dụng tài liệu của Niên giám thống kê 2002 và của Ban Biên giới Bộ Ngoại giao. Song trên thực tế số đo này có thể còn chưa thống nhất và còn có những thay đổi nhỏ. GV cần lưu ý điều chỉnh cho phù hợp.

III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẨN THIẾT

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam.
- Bản đồ Việt Nam trong Đông Nam Á.
- Quả Địa Cầu hoặc bản đồ thế giới.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC

1. Lời giới thiệu

Lưu ý HS về ý nghĩa, giá trị của các yếu tố vị trí địa lí, giới hạn, hình dạng lãnh thổ Việt Nam.

Dạy phần này GV có thể vào bài theo “phương pháp phản chứng”. Ví dụ GV đặt vấn đề : *Điều gì sẽ xảy ra nếu Việt Nam không nằm ở vị trí như hiện nay ? Nếu nước ta nằm sâu trong nội địa châu Á hay ở vùng cực của Trái Đất thì thiên nhiên và cuộc sống của chúng ta sẽ ra sao và có còn giống như hiện tại không ?* Rõ ràng là không. Điều đó nói lên ý nghĩa thực tiễn và tầm quan trọng của vấn đề vị trí, giới hạn và hình dạng lãnh thổ Việt Nam.

2. Gợi ý giảng dạy một số đề mục

– Trong phần lãnh thổ đất liền, GV cho HS phân tích bảng 23.2, trả lời các câu hỏi nêu ra trong SGK và ghi kết quả vào vở.

– Trong phần biển, GV hướng dẫn HS quan sát bản đồ Biển Đông, nhấn mạnh hai quần đảo Hoàng Sa (thành phố Đà Nẵng) và Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa). Hướng dẫn HS bài đọc thêm : Vùng biển chủ quyền của nước Việt Nam.

– Về ý nghĩa cơ bản của vị trí địa lí, GV cân nêu ngắn gọn : Nước ta nằm hoàn toàn trong vòng đai nội chí tuyến bán cầu Bắc, lại nằm ở trung tâm khu vực gió mùa Đông Nam Á. Phần đất liền nước ta có hình chữ S, kéo dài 15 vĩ độ và hẹp theo chiều ngang. Phần biển mở rộng ra tới kinh tuyến $117^{\circ}20' \text{ Đ}$ và có diện tích khoảng 1 triệu km², rộng gấp ba lần phần đất liền. GV đặt câu hỏi về hệ quả hay mối liên hệ giữa vị trí địa lí, hình dạng của lãnh thổ đối với hoàn cảnh tự nhiên và sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta, xét cả về mặt thuận lợi và khó khăn. Sau khi HS nêu ý kiến trả lời, thảo luận, GV kết luận như phân tóm tắt của SGK.

V. GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI KHÓ

1. Câu hỏi ở mục 2a : *Hình dạng lãnh thổ có ảnh hưởng gì tới các điều kiện tự nhiên và hoạt động giao thông vận tải ở nước ta ?*

Trả lời : Hình dạng kéo dài và hẹp ngang của phần đất liền, với bờ biển uốn khúc (hình chữ S) theo nhiều hướng và dài trên 3260 km đã góp phần làm cho thiên nhiên nước ta trở nên đa dạng, phong phú và sinh động. Cảnh quan thiên nhiên nước ta có sự khác biệt rõ rệt giữa các vùng, các miền tự nhiên. Ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền, tăng cường tính chất nóng ẩm của thiên nhiên nước ta.

Đối với giao thông vận tải, hình dạng lãnh thổ cho phép nước ta phát triển nhiều loại hình vận tải : đường bộ, đường biển, đường hàng không v.v... Mặt khác giao thông vận tải nước ta cũng gặp không ít trở ngại, khó khăn, nguy hiểm do hình dạng địa hình lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang, nằm sát biển. Các tuyến đường dễ bị chia cắt bởi thiên tai, địch họa. Đặc biệt là tuyến giao thông bắc – nam thường bị bão, lụt, nước biển phá hỏng gây ách tắc giao thông.

2. Trả lời các câu hỏi ở mục 2b

– Đảo lớn nhất của nước ta là đảo Phú Quốc, diện tích : 568 km² thuộc tỉnh Kiên Giang.

– Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới vào năm 1994.

– Quần đảo xa nhất của nước ta là quần đảo Trường Sa, cách bờ biển Cam Ranh (tỉnh Khánh Hòa) 248 hải lý (460 km) và cấu tạo bằng san hô.

3. Câu hỏi và bài tập cuối bài

a) Câu hỏi 1. GV cần lưu ý HS làm bài trên bản đồ có ghi tỉ lệ chính xác mới cho kết quả đúng.

HS xem lại bài Đông Nam Á. Xác định trên bản đồ thủ đô của các nước Đông Nam Á và đo, tính khoảng cách theo yêu cầu của bài : Chú ý tỉ lệ bản đồ và sai số trong đo tính.

b) Để làm tốt câu hỏi 2 cần lưu ý HS xem lại Bài 7, SGK Địa lí 6, mục "Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả".

c) Câu hỏi 3 là câu hỏi mở rộng so với câu hỏi đã nêu ở mục 2a. GV cho HS trả lời và tóm tắt những ý chính sau :

– Tạo thuận lợi cho Việt Nam phát triển kinh tế toàn diện.

– Hội nhập và giao lưu dễ dàng với các nước Đông Nam Á và thế giới trong xu hướng quốc tế hoá và toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới.

– Phải luôn chú ý bảo vệ đất nước, chống thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng, sóng biển...) và chống giặc ngoại xâm (xâm chiếm đất đai, hải đảo, xâm phạm vùng biển, vùng trời Tổ quốc...).